

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim.
2. Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B.

Bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 31/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn D do quen biết, sau thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1994-1995, do thời gian quá lâu nên bà không nhớ rõ. Sau này bà và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh B vào ngày 13/02/2017. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm đầu thì dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông D thường xuyên yêu cầu bà phải đưa tiền cho ông tiêu xài,

những khi uống rượu vào là kiếm chuyện đánh bà. Bà và ông D đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân ông D cũng có tìm cách hàn gắn nhưng bà không đồng ý. Nay bà xác định tình cảm với ông D không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông D ly hôn với nhau.

Khi ly hôn bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống bà và ông D có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà H trình bày tài sản chung để bà và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã N, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hai ông bà có tổ chức đám cưới tại địa phương và chung sống với nhau từ thời gian khoảng năm 1994 -1995. Sau này ông bà có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh B vào ngày 13/02/2017. Xét thấy, hôn nhân của bà H và ông D đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà H xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông D thường hay nhậu say về kiếm chuyện đánh bà và yêu cầu bà phải đưa tiền cho ông D tiêu xài. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng là vợ chồng nhưng bà H và ông D đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, trong thời gian đó mặc dù bà H cho rằng ông D cũng có tìm cách hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả, bà H không đồng ý. Vì thế mặc dù là vợ chồng nhưng hiện nay vợ chồng bà H đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau để tạo điều kiện phát triển gia đình mà lại bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mời ông D đến Tòa nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân cho ông bà nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông D không có thiện chí hàn gắn hôn nhân cùng bà H, còn bà H thì vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: trong thời gian sống chung, bà H và ông D có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về chia tài sản chung*: bà H trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D không có văn bản trình bày ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] *Về nợ chung*: bà H trình bày không có nên không đề cập.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí ly hôn*: buộc bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu do bà H yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H.

Bà Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[2] *Về nuôi con chung*: trong thời gian chung sống bà H và ông D có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/02/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002319 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên bà H không phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKS nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã N (số 10, ngày 13/02/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh